TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN LONG BIÊN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 294**/2019/HSST**
Ngày:**13/11/2019**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂNQUẬN LONG BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Văn Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân:Ông Nguyễn Đình Đạt và bà Phạm Thị Thành

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Tuấn Long – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Long Biên

- Đ diện Viện Kiểm sát nhân dânquận Long Biên tham gia phiên tòa:Bà Nguyễn Thị Oanh- Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số288/2019/HSST ngày10/10/2019theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 325/2019/QĐXXST-HS ngày 01/11/2019 của Tòa án nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nộiđối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1993; tại: Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không**;** Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn S (đã chết)và con bà: Bùi Thị H, sinh năm 1957; Gia đình bị can có 04 chị em; bị cáo là con thứ tư; Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 551 ngày 01/9/2019 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa pH cung cấp bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)*

Đinh Văn Đ, sinh năm 1995; tại: Thanh Hóa; HKTT và chỗ ở: xã Cẩm Giang, huyện Cẩm Thủy, Thanh Hóa; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đinh Văn T ,sinh năm: 1969 và con bà: Lê Thị T, sinh năm: 1976; Gia đình bị can có 02 anh em; bị cáo là con thứ nhất; Vợ: Quách Thị T, sinh năm: 2001; có 01 con sinh năm 2018.Tiền án, tiền sự: Theo danh chỉ bản số 552 ngày 01/9/2019 của Công an quận Long Biên lập và lý lịch địa pH cung cấp bị cáo không có tiền án, tiền sự; Bị caó hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa)*

*Người bị hại:*Công ty cổ phần nước sạch số 2 Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Kỳ H – Giám Đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đức T – Phó giám đốc chi nhánh Công ty cổ phần Nước sạch số 2 Hà Nội – Xí nghiệp xây lắp công trình*(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

- Chị Nguyễn Thị S (tên khác: Nguyễn Thị Mai H) – 1968

HKTT: xã Như Quỳnh, huyện Văn Lâm, Hưng Yên*(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Anh Đỗ Văn C,sinh năm 1985

Địa chỉ: Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội.*(có đơn xin xét xử vắng mặt)*

- Anh Trần Văn H – sinh năm 1973

HKTT: Đại Hội, Từ Sơn, Bắc Ninh.*(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/5/2019, anh Trần Đức T (sinh năm: 1981; HKTT: phường Mộ Lao, quận Hà Đông, Hà Nội là Phó Giám đốc Xí nghiệp xây lắp công trình thuộc Công ty nước sạch số 2 Hà Nội) đến trụ sở Công an phường Việt Hưng trình báo sự việc: Khoảng 16h30’ ngày 30/4/2019 anh T có nhận được tin báo từ anh Nguyễn Văn L (sinh năm: 1975, HKTT: Tổ 12, phường Sài Đồng, Long Biên, Hà Nội là đội trưởng đội thi công công trình đường ống nước sạch tại giao nhau giữa phố Việt Hưng và phố Vũ Đức Thận thuộc phường Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội) thông báo bị mất trộm khoảng 100m ống thép bằng kim loại, đường kính 20cm. Đây là số ống nước cũ đã được đào lên và tập kết tại công trình để chờ vận chuyển về kho. Do các ống nước trên bị mất vào dịp nghỉ Lễ nên ngày 02/5/2019 anh T mới đến Công an phường Việt Hưng trình báo sự việc.

Nhận được tin báo, Cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra làm rõ:

Nguyễn Văn N là lao động thời vụ làm thợ thi công ống nước cho Xí nghiệp nước sạch số 2 tại khu vực phố Việt Hưng. Rạng sáng ngày 30/4/2019 N cùng một số công nhân Xí nghiệp nước sạch thi công và cẩu các ống thép cũ tại khu vực đường phố Việt Hưng giao với phố Vũ Đức Thận. Sau khi cẩu các ống thép cũ và tập kết tại ven đường đến khoảng 04h00 ngày 30/4/2019 N cùng toàn bộ công nhân thi công đi về nơi trọ để ngủ. Sau khi ngủ dậy khoảng 9h00 ngày 30/4/2019, do thiếu tiền tiêu sài cá nhân và biết được việc tập kết các ống thép cũ tại khu vực trên không có ai trông giữ N đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản (số ống thép cũ tại khu vực trên) và rủ Đinh Văn Đ (bạn cùng phòng trọ với N) đến

khu vực trên để cùng N bán tài sản. Bản thân Đ cũng từng là lao động thời vụ làm thợ thi công ống nước cho Xí nghiệp nước sạch số 2 nên Đ hiểu rõ các ống nước trên được đào lên sau đó tập kết chuyển về kho của Công ty nước sạch số 2 – Hà Nội và thuộc quyền sở hữu của công ty. Đến nơi không thấy người mua đâu, Đ có hỏi N thì N nói đã liên hệ rồi cứ đợi ở đây. Sau đó cả 2 ngồi quán nước chờ người mua đến. Do trọng lượng các ống nước lớn khoảng 2 tấn và kích thước cồng kềnh nên N đã dùng số điện thoại 0353895620 gọi cho Nguyễn Thị S (sinh năm: 1968; HKTT: xã Ngư Quỳnh, Văn Lâm. H Yên) để thỏa thuận việc mua bán ống nước cũ. S đồng ý và gọi điện cho Đỗ Văn C (sinh năm: 1985; HKTT: xã Xuân Thượng, Xuân Trường, Nam Định) trao đổi về việc mua bán các ống nước cũ, C đồng ý và cùng S đi đến khu vực tập kết ống nước cũ gặp N và thỏa thuận mua bán ống nước kim loại với giá 6.000 đồng/1 kg kim loại và N đồng ý. Sau đó, khoảng 14h00’ cùng ngày C đi xe máy về nhà để lấy xe ô tô BKS: 29C-xxxxx quay lại khu vực trên để chở ống nước. Trên đường đi C đã thuê thêm 2 người thợ bốc vác (hiện chưa rõ tên tuổi địa chỉ) cùng đi. Khi đến nơi, S đã có mặt tại đó, C cùng 2 N thanh niên tiến hành dùng máy cắt hơi để cắt các ống thép kim loại và bốc lên xe tải của C. Trong khi 2 người thợ bốc vác cắt và bốc các ống nước trên thì Đ và N ngồi xem và chơi điện tử trên điện thoại. Đến khoảng 16h00’ cùng ngày, sau khi bốc xếp xong 44 ống nước kim loại (có trọng lượng 2,2 tấn) C đưa cho S 7.500.000 đồng, S đếm tiền và đưa cho Đ số tiền 7.500.000 đồng. Sau đó, C trả S số tiền 3.700.000 đồng tiền công môi giới. Sau khi xong, N và Đ cùng đi về phòng trọ, trên đường về N bảo Đ đưa cho N số tiền 7.500.000 đồng để N cầm và cả hai cùng đi về phòng trọ, tại phòng trọ N đếm lại tiền và chia cho Đ 3.750.000 đồng. Sau khi mua xong số ống nước nói trên, C đã bán toàn bộ số ống nước đó có Trần Văn H(sinh năm: 1973, HKTT: huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh) được số tiền 18.000.000 đồng. Đến 16h30 cùng ngày khi anh Trần Đức T đi kiểm tra đến khu vực công trường thi công phát hiện bị mất trộm số ống nước kim loại nêu trên. Đến ngày 02/5/2019, anh T đã đến công an phường Việt Hưng trình báo toàn bộ nội dung như trên.

Tang vật thu giữ:

- 01 xe ô tô tải hãng KIA, BKS: 29C-xxxxx; 44 ống thép kim loại đường kính 20 cm, chiều dài mỗi ống khoảng 1,6m, tình trạng cũ đã rỉ sét, trọng lượng 2,2 tấn; 01 điện thoại Nokia 2610 màu đen đã qua sử dụng (của C)

- 01 điện thoại Oppo A71 màu trắng đã qua sử dụng (của N)

- 01 điện thoại Nokia 3 màu đen đã qua sử dụng (của S)

Tại Kết luận định giá tài sản số 133/KL-HĐ ngày 24 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Long Biên kết luận: 44 ống

thép kim loại đường kính 20cm, chiều dài mỗi ống khoảng 1.6m, trọng lượng tổng 2,2 tấn đã qua sử dụng trị giá 13.200.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi được thông báo về nguồn gốc số ống nước nói trên anh C đã trực tiếp trao trả số tiền 18.000.000 đồng cho anh H và chuộc toàn bộ số ống nước nói trên giao nộp cho Cơ quan công an để phục vụ công tác điều tra. Sau khi nhận lại số tiền nói trên anh H không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Chị S đã trực tiếp trao trả C số tiền 3.700.000 đồng, N và Đ đã trực tiếp trao trả anh C số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi nhận lại số tiền trên, anh C không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 294/CT-VKS-LB ngày 09/10/2019, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo theo đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đ diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận tại phiên tòa như sau: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận củacác bị cáo tại phiên tòa có đủ cơ sở kết luận hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: **"Trộm cắp tài sản".** Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65; điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo N mức án từ 15 đến 18 tháng tù treo, thời gian thử thách là 30 đến 36 tháng kể từ ngày tuyên án; xử phạt bị cáo Đ mức án từ 12 đến 15 tháng tù treo, thời gian thử thách là 24 đến 30 tháng kể từ ngày tuyên án; Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo do bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định; Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung công quỹ01 điện thoại Oppo A71 màu trắng đã qua sử dụng (của N); Về dân sự: Không.

Nói lời sau cùng bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử mở lượng khoan hồng cho bị cáo mức án nhẹ nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Long Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình

tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai báo thành khẩn và không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra;biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu;Kết luận định giá tài sản; lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quancùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:Ngày 30/4/2019, tại khu vực giao nhau giữa phố Việt H và phố Vũ Đức Thận thuộc phường Việt H, Long Biên, Hà Nội, Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ đã có hành vi trộm cắp của Công ty nước sạch số 2 – Hà Nội 44 ống thép kim loại đã qua sử dụng. Tổng giá trị tài sản các bị can chiếm đoạt là 13.200.000 đồng (Mười ba triệu hai trăm nghìn đồng).

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội: "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015. Các bị cáo đã lợi dụng sơ hở của chủ tài sản để lén lút chiếm đoạt tài sảncủa họ, mục đích bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hộinên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

Do đó, Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân: Các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hính sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, ăn năn hối cải, khắc phục hậu quả; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọngnên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểmb, i,s khoản 1Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[6] Về quyết định hình phạt: Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, bị cáo Nguyễn Văn N giữ vai trò chính rủ rê, lôi kéo bị cáo Đinh Văn Đ cùng thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự nặng hơn. Sau khi xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ, việc cho các cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng không gây nguy hại cho xã hội. Do vậy, HĐXX thấy không

cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, cho các bị cáo hưởng biện pháp chấp hành án có điều kiện, được cải tạo tại địa pH dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa pH cũng đủ để cải tạo bị cáo thành công dân tốt, có ích cho xã hội và cũng thể hiện chính sách nhân đạo của pháp luật.

Đ diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng hình phạt tù nH cho hưởng án treo đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có công việc, thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Đ diện Viện Kiểm sát đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Sau khi được thông báo về nguồn gốc số ống nước nói trên anhĐỗ Văn C đã trực tiếp trao trả số tiền 18.000.000 đồng cho anh Trần Văn H và chuộc toàn bộ số ống nước nói trên giao nộp cho Cơ quan công an để phục vụ công tác điều tra. Sau khi nhận lại số tiền nói trên anh Trần Văn H không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự. Chị Nguyễn Thị S đã trực tiếp trao trả Đỗ Văn C số tiền 3.700.000 đồng, các bị cáo N, Đ đã trực tiếp trao trả anh Đỗ Văn C số tiền 7.500.000 đồng. Sau khi nhận lại số tiền trên, anh Đỗ Văn C, anh Trần Văn H, chị Nguyễn Thị S (tên khác: Nguyễn Thị Mai H) đều không yêu cầu gì thêm về dân sự, nên HĐXX không xem xét.

Đối với 44 ống thép kim loại là tài sản của Công ty nước sạch số 2 – Hà Nội. Ngày 24/9/2019, Cơ quan CSĐT- Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả số tài sản trên cho anh Trần Văn T – Đ điện theo ủy quyền của Công ty. Sau khi nhận lại tài sản, anh Trần Văn T không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng: Cho tịch thu, sung công quỹ 01 điện thoại Oppo A71 màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo N dùng vào việc thực hiện tội phạm.

Đề nghị giải quyết về xử lý vật chứng của Đ diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với Nguyễn Thị S(tên khác: Nguyễn Thị Mai H), Đỗ Văn C và Trần Văn H: Quá trình điều tra xác định cả ba không biết số ống nước trên là tài sản do Đ, N trộm cắp mà có. Vì vậy, cơ quan điều tra không đặt vấn đề xử lý đối với S, C và H là đúng quy định pháp luật.

Đối với 01 xe ô tô tải hãng KIA, BKS: 29C-501.35 và 01 điện thoại Nokia 2610 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của Đỗ Văn C: Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh C. Ngày 16/6/2019, Cơ quan CSĐT –

Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho anh C. Anh C đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác. Đối với 01 điện thoại Nokia 3 màu đen đã qua sử dụng thu giữ của chị Nguyễn Thị S: Quá trình điều tra xác định là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của chị S. Ngày 24/9/2019, Cơ quan CSĐT – Công an quận Long Biên đã ra quyết định xử lý vật chứng trao trả cho chị S. Chị Nguyễn Thị S đã nhận lại và không có yêu cầu gì khác, nên HĐXX không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Các bị cáo và người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn N và Đinh Văn Đ phạm tội **"Trộm cắp tài sản".**

1. Về hình phạt: Căn cứkhoản 1 Điều 173; Điều 48, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51;Điều 17, Điều 58, Điều 65, của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn N 10 (mười) tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (hai mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: Bị cáo Đinh Văn Đ 08 (tám) tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015.

Tịch thu sung công quỹ 01 điện thoại Oppo A71 màu trắng đã qua sử dụng của bị cáo Nguyễn Văn N(Hiện có tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/10/2019).

3. Về án phí: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Án xử công khai sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngàyđược tống đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Đặng Văn Ngọc

Nơi nhận:
- *TAND T.p Hà Nội;*
- *VKSND q.Long Biên;*
- *Công an quận Long Biên;*
- *Chi cục THADS q.Long Biên;*
- *Sở Tư pháp T.p Hà Nội;*
- *Thi hành án hình sự;*
- *Bị cáo;*
- *Người tham gia tố tụng khác;*
- *Lưu HS, VP.*